

Bản án số: 03 /2019/DS-ST

Ngày: 23/4/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-DS ngày 11/3/2019 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST - DS ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP VP**; Trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng; Ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại cho: ông Hồ Văn S, ông Lý Viết T. Ông S, T có mặt

- Bị đơn: **Chị Trịnh Thị Trang Nh**, sinh năm 1977; HKTT và nơi cư trú: Số nhà 03, Khu B, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Chị Nh có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai - Người đại diện cho Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP VP trình bày:

Ngân hàng TMCP VP đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng với chị Trịnh Thị Trang Nh, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639) ngày giải ngân 18/8/2016 thể hiện qua Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 05/8/2016: Số tiền vay và đã giải ngân: 200.000.000đồng; mục đích vay: vay mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 24%/năm.

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025) ngày giải ngân 28/3/2017 thể hiện qua Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/3/2017: số tiền vay và đã giải ngân: 55.500.000đồng; mục đích vay: mua sắm nội thất gia đình; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 23,5%/năm.

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700 ngày giải ngân 03/3/2017 thể hiện qua Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử: Số tiền vay và đã giải ngân: 32.000.000đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 33%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Trịnh Thị Trang Nh đã trả Ngân hàng số tiền theo từng hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): đã trả gốc 69.421.404đồng, lãi 49.500.007đồng. Chuyển quá hạn ngày 18/10/2017.

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): đã trả gốc 17.545.012đồng, lãi 6.113.300đồng. Chuyển quá hạn ngày 18/10/2017.

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: đã trả gốc 189.300đồng. Ngày chuyển quá hạn 08/12/2017.

Tại Đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP VP yêu cầu chị Trịnh Thị Trang Nh phải trả Ngân hàng toàn bộ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700, Hợp đồng tín dụng số 8825308, Hợp đồng tín dụng số 12732321 với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 04/10/2018 là **294.075.438đồng** (trong đó: gốc 221.295.604đồng; lãi 72.779.834đồng) và tiếp tục phải trả các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại phiên hòa giải, Ngân hàng TMCP VP yêu cầu chị Trịnh Thị Trang Nh phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ theo từng Hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): tính đến ngày 18/3/2019, tổng số tiền: 211.257.911đồng (gốc 130.578.596đồng, lãi phải trả: 80.679.315đồng). Ngân hàng không yêu cầu chị Nh trả tiền phạt chậm trả là 24.735.792đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): tính đến ngày 18/3/2019, tổng số tiền: 63.774.518đồng (gốc 37.954.988đồng; lãi phải trả: 23.727.362đồng; phạt chậm trả: 2.092.168đồng)

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: tính đến ngày 18/3/2019, tổng số tiền: 63.774.518đồng (gốc 31.981.425đồng; lãi phải trả: 20.485.535đồng)

Tổng cộng số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng tín dụng: tính đến ngày 18/3/2019 là: **327.499.389** đồng (Trong đó gốc: 200.515.009đồng; lãi phải trả: 124.892.212đồng; phạt chậm trả: 2.092.168đồng).

Chị Nh tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị Trang Nh trình bày:

Ngân hàng TMCP VP đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng với chị Trịnh Thị Trang Nh, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639) ngày giải ngân 18/8/2016: Số tiền vay và đã giải ngân: 200.000.000đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 24%/năm.

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700 ngày giải ngân 03/3/2017: Số tiền vay và đã giải ngân: 32.000.000đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 33%/năm.

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025) ngày giải ngân 28/3/2017: số tiền vay và đã giải ngân: 55.500.000đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 23,5%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Trịnh Thị Trang Nh đã trả Ngân hàng số tiền theo từng hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): đã trả gốc 69.421.404đồng, lãi 49.500.007đồng. Chuyển quá hạn ngày 18/10/2017.

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: đã trả gốc 189.300đồng. Ngày chuyển quá hạn 08/12/2017.

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): đã trả gốc 17.545.012đồng, lãi 6.113.300đồng. Chuyển quá hạn ngày 18/10/2017.

Chị Trịnh Thị Trang Nh xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): tính đến ngày 18/3/2019, tổng số tiền: 211.257.911đồng (gốc 130.578.596đồng, lãi phải trả: 80.679.315đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: tính đến ngày 18/3/2019, tổng số tiền: 63.774.518đồng (gốc 31.981.425đồng; lãi phải trả: 20.485.535đồng)

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): tính đến ngày 18/3/2019, tổng số tiền: 63.774.518đồng (gốc 37.954.988đồng; lãi phải trả: 23.727.362đồng; phạt chậm trả: 2.092.168đồng)

Tổng cộng số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng tín dụng: tính đến ngày 18/3/2019 là: **327.499.389** đồng (Trong đó gốc: 200.515.009đồng; lãi phải trả: 124.892.212đồng; phạt chậm trả: 2.092.168đồng).

Tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và sẽ hợp tác với Ngân hàng để giải quyết khoản nợ theo quy định pháp luật, đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào gốc và miễn toàn bộ phần lãi để gia đình tôi trả nợ dần cho Ngân hàng, tôi không có điều kiện trả nợ trong thời hạn 3 tháng.

Về án phí: Tôi đề nghị xem xét cho miễn một phần án phí.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP VP vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Nh trả nợ toàn bộ số tiền còn nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng có văn bản rút yêu cầu chị Nh trả tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 8825308 số tiền là 7.684.863đồng và số tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 12732321 là 2.300.101đồng.

Ngân hàng yêu cầu chị Trịnh Thị Trang Nh phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần VP số tiền còn nợ tính đến ngày 16/4/2019 theo 03 hợp đồng là:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 215.107.803đồng (gốc 130.578.596đồng, lãi phải trả: 84.529.207đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 62.755.527đồng (gốc 37.954.988đồng; lãi phải trả: 24.800.539đồng)

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 53.814.484đồng (gốc 31.981.425đồng; lãi phải trả: 21.833.059đồng)

Tổng cộng số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng tín dụng: tính đến ngày 16/4/2019 là: **331.677.814** đồng (Trong đó gốc: 200.515.009đồng; lãi phải trả: 131.162.805đồng).

Buộc chị Trịnh Thị Trang Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 17/4/2019 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639), Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025), Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700 cho đến khi thanh toán xong ba Hợp đồng tín dụng nói trên .

Chị Trịnh Thị Trang Nh trình bày: Tôi sẽ có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nhưng đề nghị Ngân hàng cho giảm nợ dần và miễn lãi cho tôi.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VPbuộc chị Trịnh Thị Trang Nh phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần VP số tiền còn nợ của 03 Hợp đồng tín dụng đến ngày 16/4/2019 là: **331.677.814** đồng (Trong đó gốc: 200.515.009đồng; lãi phải trả: 131.162.805đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP VP có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đối với chị Nh. Hiện chị Nh đang cư trú tại khu Bình Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về áp dụng luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng là năm 2016, 2017 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

2. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của 03 Hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng TMCP VP đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng với chị Trịnh Thị Trang Nh, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639) ngày giải ngân 18/8/2016 thể hiện qua Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 05/8/2016: Số tiền vay và đã giải ngân: 200.000.000đồng; mục đích vay: vay mua sắm đồ dùng gia đình; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 24%/năm.

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025) ngày giải ngân 28/3/2017 thể hiện qua Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/3/2017: số tiền vay và đã giải ngân: 55.500.000đồng; mục đích vay: mua sắm nội thất gia đình; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 23,5%/năm.

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700 ngày giải ngân 03/3/2017 thể hiện qua Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng

điện tử: Số tiền vay và đã giải ngân: 32.000.000đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tại thời điểm vay 33%/năm.

Chị Nh cũng thừa nhận việc ký kết 03 Hợp đồng tín dụng như trên với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng trên được các bên cùng xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 290, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

[2.2]. Tại phiên tòa, Nguyên đơn rút một phần khởi kiện về yêu cầu chị Trịnh Thị Trang Nh trả phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639) số tiền là **27.684.863 đồng** và số tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025) là **2.300.101đồng**. Việc rút yêu cầu này của Ngân hàng thương mại cổ phần VP là phù hợp với quy định của pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần VP đã rút.

[2.3]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn đòi chị Nh trả nợ tính đến ngày 16/4/2019 theo 03 Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn – chị Nh xác nhận việc sử dụng, quá trình thanh toán từng Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700, Hợp đồng tín dụng số 8825308, Hợp đồng tín dụng số 12732321 như Ngân hàng thương mại cổ phần VP trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay – chị Nh đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm điều khoản cam kết về thời hạn trả nợ tiền vay nên Ngân hàng thương mại cổ phần VP yêu cầu chị Nh phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đây là căn cứ pháp lý buộc bên vay là chị Nh phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP VP số tiền còn nợ theo 03 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 215.107.803đồng (gốc 130.578.596đồng, lãi phải trả: 84.529.207đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 62.755.527đồng (gốc 37.954.988đồng; lãi phải trả: 24.800.539đồng)

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 53.814.484đồng (gốc 31.981.425đồng; lãi phải trả: 21.833.059đồng)

Tổng cộng số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng tín dụng: tính đến ngày 16/4/2019 là: **331.677.814 đồng** (Trong đó gốc: 200.515.009đồng; lãi phải trả: 131.162.805đồng).

Chị Trịnh Thị Trang Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **17/4/2019** đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín

dụng số 8825308 (LD1623100639), Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025), Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700 cho đến khi thanh toán xong ba Hợp đồng tín dụng nói trên.

[3] .Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Bị đơn chị Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là $331.677.814 \text{đồng} \times 5\% = \mathbf{16.583.000 \text{đồng}}$.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP VP tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 290, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VP (VPBank).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần VP (VPBank) về việc buộc chị Trịnh Thị Trang Nh có nghĩa vụ trả phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639), với số tiền là **27.684.863 đồng** và số tiền phạt chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025) là **2.300.101 đồng**

3. Buộc chị Trịnh Thị Trang Nh phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP VP số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639): tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 215.107.803 đồng (gốc 130.578.596 đồng, lãi phải trả: 84.529.207 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025): tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 62.755.527 đồng (gốc 37.954.988 đồng; lãi phải trả: 24.800.539 đồng)

+ Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700: tính đến ngày 16/4/2019, tổng số tiền: 53.814.484 đồng (gốc 31.981.425 đồng; lãi phải trả: 21.833.059 đồng)

Tổng cộng số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng tín dụng: tính đến ngày 16/4/2019 là **331.677.814 đồng** (Trong đó gốc: 200.515.009 đồng; lãi phải trả: 131.162.805 đồng).

Chị Trịnh Thị Trang Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày **17/4/2019** đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8825308 (LD1623100639), Hợp đồng tín dụng số 12732321 (LD 1708701025), Hợp đồng tín dụng số 192-P-155700 cho đến khi thanh toán xong ba Hợp đồng tín dụng nói trên.

4. Án phí: Chị Trịnh Thị Trang Nh phải nộp **16.583.000đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP VP số tiền 7.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003853 ngày 18/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Người đại diện của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội.
- VKSND huyện Chương Mỹ
- Chi Cục THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu VP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quý

